

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 8 (Thành phố)

Phần B.II - Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam

Ngày thi: 14/8/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Đoàn Thị Vân Anh	7,00	Bảy	41	Nông Thị Huyền My	7,75	Bảy phẩy bảy năm
2	Hoàng Thị Chao	7,50	Bảy phẩy năm	42	Nguyễn Thị Huyền My	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Lôi Thị Chao	7,50	Bảy phẩy năm	43	Lý Thị Mùi	7,00	Bảy
4	Trần Huệ Chi	7,00	Bảy	44	Lục Thị Bích Ngọc	8,00	Tám
5	Đàm Quang Chiến	7,00	Bảy	45	Nông Thị Ngâm	8,00	Tám
6	Hoàng Ngọc Diệp	7,00	Bảy	46	Dương Thị Nghiệp	7,50	Bảy phẩy năm
7	Đàm Đức Dũng	6,50	Sáu phẩy năm	47	Nguyễn Thị Nhã	7,50	Bảy phẩy năm
8	Phạm Ngọc Diệp	6,50	Sáu phẩy năm	48	Nguyễn Tuyết Nhung	8,00	Tám
9	Nguyễn Minh Đoàn	6,50	Sáu phẩy năm	49	Ma Thị Oanh	8,00	Tám
10	Lã Thị Giang	7,50	Bảy phẩy năm	50	Lý Thị Phúc	7,50	Bảy phẩy năm
11	Đình Văn Giáp	7,00	Bảy	51	Ngô Thị Phượng	8,00	Tám
12	Nông Thị Ngân Hà	7,50	Bảy phẩy năm	52	Hoàng Hải Quý	8,00	Tám
13	Hoàng Thị Thanh Hà	7,50	Bảy phẩy năm	53	Phùng Thị Quỳnh	7,00	Bảy
14	Nông Thị Thúy Hằng	7,50	Bảy phẩy năm	54	Nông Công Sỹ	7,00	Bảy
15	Nông Thị Hằng	8,00	Tám	55	Phạm Thị Tài	7,00	Bảy
16	Vũ Thị Hằng	8,00	Tám	56	Chu Văn Tinh	7,00	Bảy
17	Đỗ Thị Hằng	7,00	Bảy	57	Lục Toàn Thắng	7,00	Bảy
18	Lâm Thị Hiền	7,00	Bảy	58	Nông Quốc Thắng	8,00	Tám
19	Hoàng Thị Thu Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Nguyễn Thị Thuận	7,00	Bảy
20	Lục Minh Hiền	6,50	Sáu phẩy năm	60	Lục Xuân Trường	7,00	Bảy

21	Nguyễn Thị Thanh Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	61	Phạm Thị Minh Thoa	7,00	Bảy
22	Hoàng Thị Hoan	7,50	Bảy phẩy năm	62	Mã Thị Thu	7,25	Bảy phẩy hai năm
23	Nông Thị Hồng	7,00	Bảy	63	La Thị Minh Thứ	7,50	Bảy phẩy năm
24	Vũ Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	64	Lại Thị Minh Thúy	8,00	Tám
25	Đông Thanh Huệ	8,00	Tám	65	Nông Bích Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Ngân Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	66	Bế Thị Thanh Thủy	7,25	Bảy phẩy hai năm
27	Vũ Thị Lan Hương	8,00	Tám	67	Lăng Thị Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Phạm Thị Lan Hương	7,00	Bảy	68	Nguyễn Thị Thu Trang	8,00	Tám
29	Nông Thu Hương	7,50	Bảy phẩy năm	69	Phan Thị Thu Trang	8,00	Tám
30	Lý Ánh Hường	8,00	Tám	70	Lương Quang Tuấn	8,00	Tám
31	Lục Đức Khánh		<i>Thôi học</i>	71	Nguyễn Thị Tuyền	8,00	Tám
32	Lục Thị Kiều	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nông Thị Tuyết	7,00	Bảy
33	Lục Thị Phương Lan	7,00	Bảy	73	Bé Xuân Vinh	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Diệu Linh	8,00	Tám	74	Hoàng Trường Vương	7,00	Bảy
35	Phan Khánh Linh	8,00	Tám	75	Hoàng Thị Kiều Xuân	7,50	Bảy phẩy năm
36	Phan Thị Liên	8,00	Tám	76	Nguyễn Hải Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
37	Hoàng Thị Liên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	77	Đàm Thị Yến	7,00	Bảy
38	Nông Thị Thúy Lư	7,50	Bảy phẩy năm	78	Trần Thị Bạch Yến	7,25	Bảy phẩy hai năm
39	Đình Thị Lụa	7,50	Bảy phẩy năm	79	Lương Thị Hải Yến	7,00	Bảy
40	Hà Vũ Mạnh	7,50	Bảy phẩy năm				

Điểm 6,50: 04 điểm; Điểm 7,00: 23 điểm; Điểm 7,25: 05 điểm; Điểm 7,50: 21 điểm; Điểm 7,75: 05 điểm; Điểm 8,00: 20 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

D.Hieu

Vachp



Đoàn Thị Kim Liên

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa